

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án: Khu tái định cư mở rộng phía Tây Bắc khu tái định cư Quy Hoà, thuộc Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 233/TTr-STC ngày 19/5/2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với các nội dung như sau:

- Tên dự án: Khu tái định cư mở rộng phía Tây Bắc khu tái định cư Quy Hoà, thuộc Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn.
- Chủ đầu tư: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh.
- Địa điểm xây dựng: Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh.
- Thời gian khởi công - hoàn thành: 10/7/2019 - 23/11/2021.

**Điều 2. Kết quả đầu tư**

**1. Chi phí đầu tư:**

Đơn vị tính: đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán được duyệt</b>	<b>Giá trị quyết toán</b>
<b>Tổng số:</b>	<b>76.862.320.000</b>	<b>64.078.954.000</b>
1. Chi phí bồi thường, GPMB:	20.482.544.000	20.482.544.000
- Chi phí bồi thường, GPMB	20.081.132.000	20.081.132.000
- Chi phí phục vụ công tác	401.412.000	401.412.000
2. Chi phí xây dựng và thiết bị:	45.712.599.000	40.512.053.000
- Xây dựng	44.880.521.000	39.701.501.000
- Thiết bị	832.078.000	810.552.000
3. Chi phí quản lý dự án:	931.925.000	745.252.000
4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	3.068.166.000	1.813.254.000
- Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	264.838.000	248.791.000
- Chi phí khảo sát địa chất	62.256.000	62.256.000
- Chi phí khảo sát bước lập - bản vẽ thi công	32.783.000	0
- Chi phí giám sát khảo sát bước lập - bản vẽ thi công	3.870.000	0
- Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	58.483.000	0
- Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	659.980.000	585.041.000
- Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	53.977.000	0
- Chi phí thẩm tra dự toán	51.959.000	0
- Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT xây lắp và thiết bị	76.046.000	76.045.000
- Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn giám sát thi công	1.133.000	0
- Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn giám sát thi công	1.467.000	1.341.000
- Chi phí giám sát thi công	978.215.000	799.733.000
- Chi phí đánh giá tác động môi trường	450.000.000	0
- Chi phí cam kết kế hoạch bảo vệ môi trường	40.048.000	40.047.000
- Chi phí thí nghiệm đối chứng	333.111.000	
5. Chi phí khác:	3.232.546.000	525.851.000
- Chi phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	10.747.000	10.746.000
- Chi phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	82.364.000	70.515.000
- Chi phí thẩm định HSMT xây lắp	24.487.000	19.569.000

- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp	24.487.000	19.569.000
- Chi phí thẩm định HSMT tư vấn giám sát	1.000.000	1.000.000
- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát	1.000.000	1.000.000
- Chi phí thẩm định HSMT khảo sát thiết kế	1.000.000	0
- Chi phí thẩm định kết quả LCNT khảo sát thiết kế	1.000.000	0
- Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị	9.795.000	0
- Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	323.169.000	143.363.000
- Chi phí kiểm toán	553.917.000	0
- Chi phí bảo hiểm xây lắp	93.050.000	70.702.000
- Chi phí thí nghiệm vật liệu -thiết bị	59.101.000	0
- Chi phí ngưng và cấp điện trở lại (TT 4 lần)	977.000	0
- Chi phí rà phá bom, mìn, vật nổ	300.000.000	188.887.000
- Chi phí đo đạc địa chính	200.000.000	0
- Chi phí thẩm định đánh giá tác động môi trường	70.000.000	0
- Chi phí thẩm định PCCC	3.292.000	500.000
- Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	46.744.000	0
- Chi phí hạng mục chung	1.426.416.000	0
6. Chi phí dự phòng:	3.334.540.000	0

## 2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán đề nghị phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán đề nghị phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán đề nghị phê duyệt
	<b>Tổng số</b>	<b>76.762.320.000</b>	<b>64.078.954.000</b>	<b>63.935.591.000</b>	<b>143.363.000</b>	

<b>1</b>	<b>Vốn đầu tư công:</b>			<b>63.935.591.000</b>		
<b>1.1</b>	Vốn ngân sách nhà nước:			63.935.591.000		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2019			54.986.372.000		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2020			8.949.219.000		

### 3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			64.078.954.000	64.078.954.000
1- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			64.078.954.000	64.078.954.000
2- Tài sản ngắn hạn				

### 4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.
- Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

### 5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

### Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan

#### 1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

*Đơn vị tính: đồng*

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	64.078.954.000	
Vốn từ Ngân sách nhà nước: Trong đó:	64.078.954.000	
1) Vốn đã bố trí:	63.935.591.000	
- Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2019	54.986.372.000	
- Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2020	8.949.219.000	
2) Vốn chưa bố trí:	143.363.000	

Tổng các khoản công nợ tính đến ngày nộp báo cáo quyết toán là:

- Tổng nợ phải trả: 143.363.000 đồng.

Chi phí khác (Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán): 143.363.000 đồng.

**2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:** Được phép ghi tăng tài sản:

*Đơn vị tính: đồng*

<b>Tên đơn vị tiếp nhận tài sản</b>	<b>Tài sản dài hạn/cố định</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>
UBND thành phố Quy Nhơn	64.078.954.000	

**Điều 4.** Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hoạch toán chi phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K8.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**